

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

**Vinh Son- Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company**

Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3892 792

Fax: 056. 3891 975

Email: [hpp\\_vssh@evn.com.vn](mailto:hpp_vssh@evn.com.vn)

Website: [www.vshpe.evn.com.vn](http://www.vshpe.evn.com.vn)



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**



*(Theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

**Vinh Son- Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company**

Địa chỉ trụ sở: 21, Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3892 792

Fax: 056. 3891 975

Email: [hpp\\_vssh@evn.com.vn](mailto:hpp_vssh@evn.com.vn)

Website: [www.vshpc.evn.com.vn](http://www.vshpc.evn.com.vn)



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**



*(Theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**  
Năm báo cáo: **2016**

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 35 03 000058
- Vốn điều lệ: 2.062.412.460.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.062.412.460.000 đồng
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 0563 892792
- Số fax: 0563 891975
- Website: [www.vshpc.evn.com.vn](http://www.vshpc.evn.com.vn)
- Mã cổ phiếu: VSH
- Quá trình hình thành và phát triển:

\* Ngày 11/07/1994 Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số 415NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng.

\* Ngày 03/07/2000: đổi tên doanh nghiệp Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn thành Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 163 EVN/HĐQT-TCCB.ĐT của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

\* Ngày 02/12/2004: chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình thành Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

\* Ngày 04/5/2005 Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hình chính thức đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

\* Ngày 07/7/2005 Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã số chứng khoán là VSH.

\* Ngày 18/7/2006 Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

\* Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.000.000.000 đồng lên 1.374.942.580.000 đồng.

\* Tháng 12/2009 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062.412.460.000 đồng.

- Các sự kiện khác: Không.

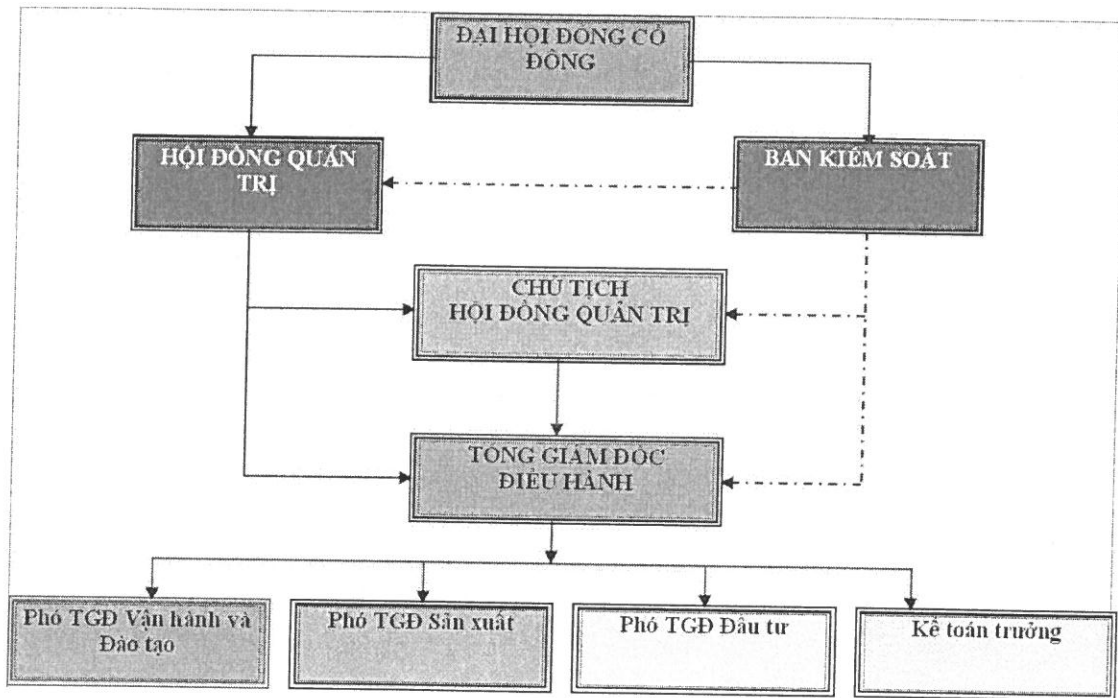
### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

\* Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng;

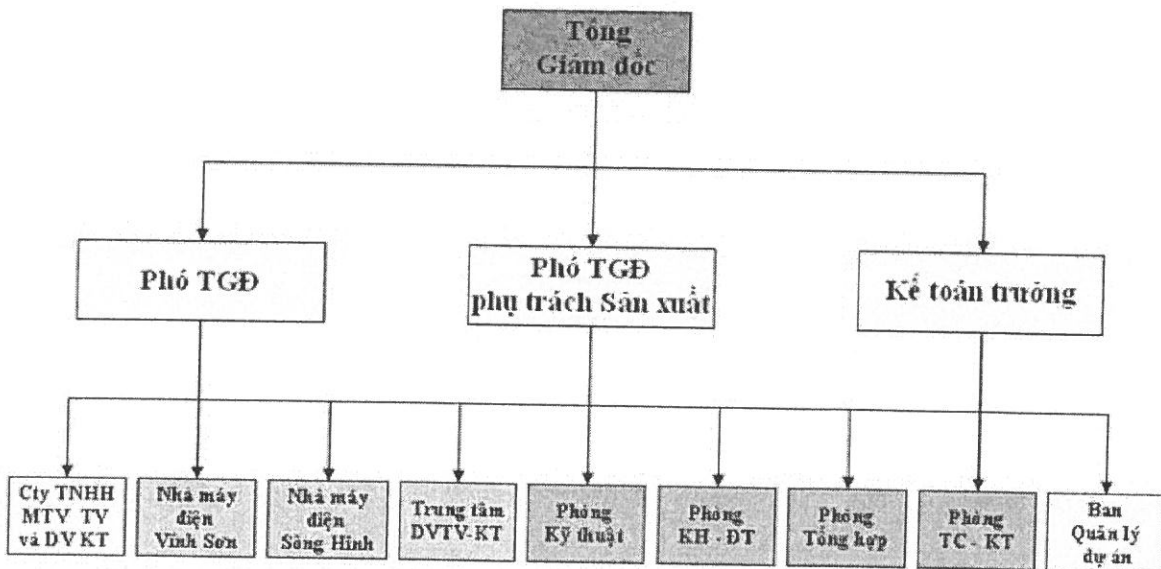
\* Địa bàn kinh doanh chính: Tỉnh Bình Định và Phú Yên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



### **3.3. Các công ty con, công ty liên kết:**

#### **+ Công ty con:**

- Tên: Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ Kỹ thuật VSH
- Địa chỉ: 21 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tư vấn khảo sát thiết kế, giám sát các công trình xây dựng.
- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

#### **+ Công ty liên kết:**

- Tên: Công ty cổ phần Du lịch Bình Định
- Địa chỉ: 08 Nguyễn Huệ, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, lữ hành.
- Vốn điều lệ thực góp: 9.812.957.192 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49,72%

### **4. Định hướng phát triển:**

#### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu:**

\* Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện (chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và Tây nguyên) cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

\* Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho các Cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

#### **4.2. Chiến lược phát triển :**

##### **\* Chiến lược phát triển ngắn hạn:**

- Nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy thủy điện hiện có là Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh mà Công ty đang sở hữu và khai thác bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng thêm sản lượng điện phát.

- Dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh
  - + Điện lượng tăng trung bình năm: 50 triệu kWh
  - + Tổng mức đầu tư:  $100 \times 10^9$  đồng
  - + Tiến độ thực hiện: 2009 - 2017

##### **\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Công ty tập trung cao độ vào đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là đầu tư và khai thác các dự án thủy điện, với các dự án:

- Dự án thủy điện Thượng KonTum:

- + Công suất lắp máy: 220 MW

+ Điện lượng trung bình năm:	1.094,2 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	7.407x10 <sup>9</sup> đồng
+ Tiến độ thực hiện:	2009 - 2018
- Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2&3:	
* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2:	
+ Công suất lắp máy:	80 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	365,6 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	2.300x10 <sup>9</sup> đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện
* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 3:	
+ Công suất lắp máy:	30 MW
+ Điện lượng trung bình năm:	113 triệu kWh
+ Tổng mức đầu tư:	777x10 <sup>9</sup> đồng
+ Tiến độ thực hiện:	Đang tạm dừng thực hiện

#### 4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Về môi trường, Công ty đã thực hiện đúng công tác giám sát chất lượng môi trường hàng năm và định kỳ báo cáo kết quả tới cơ quan liên quan theo đúng quy định, tiến hành trồng cây xanh xung quanh hồ chứa cũng như nhà máy theo đúng nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Về xã hội và cộng đồng, Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế - xã hội của địa phương, bao gồm: tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại nhà máy và công trường; tăng thu nhập cho người dân; hỗ trợ phát triển ngành thương mại dịch vụ quy mô nhỏ tại địa phương; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp đường, xây dựng hệ thống đường điện...

### 5. Các rủi ro:

#### 6.1. Rủi ro chung:

\* *Rủi ro về kinh tế:* Trong giai đoạn hiện nay, dưới tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, sự suy thoái, khủng hoảng kinh tế sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung cũng như ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân và gián tiếp tác động đến sản xuất và kinh doanh điện năng.

\* *Rủi ro về pháp luật:* Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật chứng khoán... và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan, đặc biệt là các quy định liên quan đến sản xuất và kinh doanh điện năng. Với đặc điểm hệ thống luật hiện tại chưa hoàn chỉnh, thiếu tính ổn định và không nhất quán khả năng vẫn có những thay đổi về luật, chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... Điều này có thể ảnh hưởng đến

hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác hoạch định chiến lược dài hạn của Công ty.

## **6.2. *Rủi ro đặc thù:***

\* *Rủi ro về thời tiết:* Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi lượng mưa ảnh hưởng tới chu kỳ thủy văn và dòng chảy của sông, làm ảnh hưởng đến sản lượng phát của các dự án thủy điện. Lượng trầm tích tăng lên cũng có thể làm tăng tốc độ bồi lắng lòng hồ và làm tuabin máy phát mau hư hỏng, dẫn tới giảm sản lượng phát điện. Trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế làm ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

\* *Rủi ro về giá điện:* Thị trường điện Việt Nam bắt đầu thực hiện từ ngày 01/07/2012, các nhà máy thủy điện chỉ có thể bán điện cho đơn vị duy nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó còn nhiều bất cập như đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện với EVN rất khó khăn, thiếu minh bạch và thường kéo dài; giá bán điện phụ thuộc vào quyết định của EVN do vậy xuất hiện nguy cơ giá của EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư vào hoạt động sản xuất.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **1.1. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:***

- Năm 2016, diễn biến thời tiết khu vực miền Trung, Tây Nguyên khá phức tạp, thời tiết khô hạn nghiêm trọng, nắng nóng gay gắt, kéo dài làm cho lưu lượng nước về tại các hồ của hai nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh thấp hơn nhiều so với lưu lượng về của các năm trước. Điều này đã gây ra nhiều khó khăn cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh, dẫn đến sản lượng điện phát cả năm tương đối thấp so với trung bình nhiều năm.

- Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLD – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

- Kể từ năm 2012, EVN thực hiện lộ trình thị trường phát điện cạnh tranh, Công ty là một trong các công ty phát điện phải tham gia. Công ty đã chuẩn bị tốt các điều kiện tham gia quản lý chào giá, nhân sự và cơ sở hạ tầng như: thông tin, hệ thống đo đếm... cho nên công tác chào giá hàng ngày, hàng tuần và tháng đạt kết quả tương đối tốt.

## 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐV: tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	SL điện thương phẩm	Tr Kwh	691,60	671,33	97,07
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	519,60	502,22	96,66
	DT từ SX điện, DV		484,10	448,17	92,58
	DT từ hoạt động TC		35,50	52,95	149,16
	DT khác		-	1,10	-
3.	Tổng LN trước thuế	Tỷ VND	300,61	280,84	93,42
4.	Tổng LN sau thuế	Tỷ VND	282,59	258,12	91,34
5.	Tỷ suất LN/VĐL	%	13,70	12,52	91,39
6.	Tỷ lệ cố tức	%	10	10	100

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

- Nguyễn Văn Thanh: Tổng Giám đốc
- Hoàng Anh Tuấn: Phó Tổng Giám đốc
- Dương Tấn Tường: Phó Tổng Giám đốc
- Huỳnh Công Hà: Kế toán trưởng.

### 2.2. Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ cổ phần sở hữu:

#### 1. Ông Nguyễn Văn Thanh - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Số lượng CP sở hữu: 18.513
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0.001%
- Quá trình công tác:
  - 07/1992-08/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
  - 08/1994-07/2005: Phó phòng Kỹ thuật/ Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn.
  - 08/2005 – 04/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
  - 04/2009 – 04/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
  - 04/2015 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh



## **2. Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc vận hành và Đào tạo**

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Vận hành và Đào tạo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1968
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu: 03 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,00%
- Quá trình công tác:
  - 8/1992-8/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
  - 9/1994-12/2000: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 1/2001-9/2003: Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 10/2003-6/2005: Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 7/2005-11/2009: Trưởng khu vực Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 12/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc vận hành và đào tạo Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh

## **3. Ông Dương Tấn Tường - Phó Tổng Giám đốc sản xuất**

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc sản xuất
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Số lượng CP sở hữu: 18.500 CP
- Tỷ lệ sở hữu CP: 0,001%
- Quá trình công tác:
  - 1999-2000: Cán bộ kỹ thuật, P.Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
  - 2000-2001: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 2001-2006: Chuyên viên kỹ thuật phụ trách công tác sửa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh
  - 3/2007-7/2008: Phó Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
  - 8/2008-3/2009: Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
  - 4/2009-12/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
  - 1/2010-nay: Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh

#### **4. Ông Huỳnh Công Hà – Kế toán trưởng**

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng CP sở hữu: Không
- Tỷ lệ sở hữu CP: Không
- Quá trình công tác:
  - 01/1987 – 09/1993: Kế toán tổng hợp, Công ty Vật tư thành phố Quy Nhơn
  - 10/1993 – 04/2008: Thanh tra viên, Thanh tra tỉnh Bình Định
  - 05/2008 – 10/2008: Thanh tra viên chính, Thanh tra tỉnh Bình Định
  - 11/2008 – 06/2009: Phó phòng Tài chính-Kế toán, Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
  - 07/2009 – nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

**2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không

**2.4. Cán bộ nhân viên:**

\* Số lượng CB-NV tính đến 31/12/2016: 188 người

\* Các chính sách đối với người lao động:

**- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:**

*Tuyển dụng:* Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty, hàng năm Công ty đều có chủ trương tuyển dụng lao động với mục tiêu là tuyển chọn được lao động có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với từng vị trí làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí công việc cụ thể mà Công ty có những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và yêu thích công việc, ham học hỏi và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng việc tuyển dụng cần phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu cao hơn như kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích và tổng hợp, khả năng tác nghiệp độc lập, trình độ ngoại ngữ và tin học...

*Đào tạo:* Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

*Thu hút nhân tài:* Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách đãi ngộ đặc biệt về lương, thưởng và các chế độ ưu đãi khác dành cho những cán bộ, nhân viên giỏi nhằm tập hợp, thu hút nguồn nhân lực có năng lực giỏi, trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty.

### **- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

*Chính sách lương:* Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tiền lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, cán bộ nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương chế độ quy định của nhà nước còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

*Chính sách thưởng:* Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

*Phúc lợi:* Hàng năm cán bộ nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

#### **3.1. Các khoản đầu tư lớn:**

3.1.1. Các khoản đầu tư tài chính được thực hiện trong năm: Không có.

3.1.2. Tình hình thực hiện các dự án lớn:

*a. Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:*

1) Tuyển áp lực:

Tuyển áp lực, bao gồm đập dâng và đập tràn xả lũ:

a. Đập dâng:

- Công tác đắp đất đạt đến cao trình 1.161,2m/1164m so với thiết kế, khối lượng đắp trong năm 2016 là  $570.450\text{m}^3/622.049\text{m}^3$ , đạt 91,7%. Lũy kế khối lượng đắp đất thân đập  $1.491.050\text{m}^3/1.517.149\text{m}^3$  so với khối lượng thiết kế, tương ứng 98,28%.

- Thi công đổ bê tông mái thượng lưu:  $2.311\text{m}^3/3.129\text{m}^3$ , đạt được 73,86% .

- Thi công xây lát đá:  $869,97\text{m}^3/1087\text{m}^3$ , đạt 80,03% .

- Thi công trồng cỏ:  $15.474\text{m}^2/22.408\text{m}^2$  đạt 69,06%.

- Hiện nay đang thực hoàn thành các công việc phụ trợ còn lại.

- Đập dâng thi công cơ bản đạt tiến độ đề ra.

b. Đập tràn:

- Công tác đào: Đã hoàn thành.

- Công tác bê tông: Trong năm 2016, Nhà thầu đổ bê tông tràn được  $11.200,89\text{m}^3/17.968\text{m}^3$ , đạt được 62,34% kế hoạch. Lũy kế khối lượng bê tông tràn đạt  $24.002,89\text{m}^3/28.699\text{m}^3$  so với khối lượng thiết kế, tương ứng với 83,64%.

- Công tác gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công: Nhà thầu đã lắp đặt xong ngưỡng đáy, dẫn bên khe phai van sửa chữa và van cung đến cao trình 1.157,5m và gia công chế tạo van cung, gối xoay, chốt treo xy lanh.

2) Tuyển năng lượng:

Đối với phần công việc còn lại của Tuyển năng lượng mà Nhà thầu Hoa Đông - Trung Quốc chưa thi công, để đẩy nhanh tiến độ thi công, Chủ đầu tư tách thành 03 gói thầu để lựa chọn 03 nhà thầu có năng lực cùng tham gia thi công, cụ thể như sau:

a. Gói thầu thứ 1: Thi công Cửa nhận nước và 5km đường hầm (đào mới từ lý trình km3 - km5): Nhà thầu thi công là Công ty CP xây dựng 47.

- Hợp đồng đã được ký kết từ ngày 14/10/2015.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng là 30 tháng.

- Khối lượng đã thi công được 1.216,60m/1.890m, đạt 64% khối lượng Hợp đồng.

- Nhà thầu thi công không đáp ứng tiến độ đề ra, nguyên nhân: Do lượng nước ngầm trong đường hầm tăng hơn so với dự kiến ban đầu, nên hệ thống bơm nước không đáp ứng công tác tiêu nước; máy khoan thường xuyên hỏng hóc; ngoài ra còn phải tập trung xử lý 2 điểm đứt gãy nên thời gian thi công cũng bị ảnh hưởng.

Trước tình hình thi công không đạt tiến độ của Nhà thầu, Chủ đầu tư đã có nhiều công văn nhắc nhở đôn đốc, tổ chức các cuộc họp trên công trường để bàn biện pháp tháo gỡ nhằm đẩy nhanh tiến độ. Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu chuẩn bị các thiết bị, vật tư và nhân sự thi công để đảm bảo công tác thi công năm 2017.

b. Gói thầu thứ 2: Thi công đường hầm dẫn nước bằng TBM (lý trình km5-km15+449) và gia cố phần còn lại (lý trình km15+449-km17+447):

Nhà thầu thi công là Liên danh Robbins -USA và Công ty CP xây dựng 47 (CC47).

- Hợp đồng chính thức đã được ký kết từ ngày 25/5/2016, ngày hợp đồng có hiệu lực là 14/7/2016.

- Thời gian hoàn thành công tác đào hầm là 21 tháng.

- Tổng thời gian hoàn thành toàn bộ gói thầu (đào và gia cố) là 28 tháng.

- Khối lượng đã thi công được 2.233m/10.449m, đạt 21% khối lượng hợp đồng.

- Về tiến độ thi công: Đảm bảo tiến độ thi công năm 2016.

c. Gói thầu thứ 3: Thi công phần khối lượng còn lại của cụm nhà máy, bao gồm: hầm áp lực, buồng điều áp khí nén; nhà máy, gian biến áp chính, hầm thông gió chính và dẫn cáp, trạm phân phối hở, kênh xả và hầm giao thông.

Nhà thầu thi công là Công ty CP Sông Đà 10.

- Hợp đồng chính thức đã được ký kết từ ngày 25/12/2015.

- Thời gian thực hiện Hợp đồng là 28 tháng.

- Nhà thầu thi công cơ bản đáp ứng tiến độ đề ra.

- Khối lượng thực hiện đạt 20% khối lượng hợp đồng.

Các hạng mục cơ bản đáp ứng và bám sát được tiến độ.

3) Công tác tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản và lắp đặt thiết bị cơ điện:

a. Công tác tiếp nhận thiết bị:

- Tính đến hết năm 2016, đã tiếp nhận và vận chuyển an toàn lên công trường được 1.670 tấn thiết bị, với giá trị 15.557.081 USD, đạt 53% khối lượng Hợp đồng.

- Theo tiến độ giao hàng đến tháng 12/2017 sẽ nhận toàn bộ thiết bị còn lại.

b. Công tác lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị:

Nhà thầu thực hiện là Liên danh nhà thầu LILAMA 10- LILAMA 45.4

4) Công tác đền bù-giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư:

a. Công tác bồi thường-GPMB; thu hồi, giao đất:

- Phối hợp tốt với Hội đồng bồi thường của địa phương hoàn thành công tác bồi thường - GPMB, hiện nay tiếp tục giải quyết các tồn tại, phát sinh có liên quan đến công tác bồi thường-GPMB.

- Hoàn thành công tác thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, ruộng lúa nước và giao đất để xây dựng Dự án.

b. Công tác di dân, tái định cư:

- Dự án thành phần di dân, tái định cư của Dự án DATĐ Thượng Kon Tum được Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương làm Chủ đầu tư. Chủ đầu tư đã thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát, giải quyết kịp thời các vướng mắc, và cấp vốn đáp ứng theo tiến độ thi công của Dự án thành phần.

- Các hạng mục tái định cư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư đã phối hợp tốt với địa phương di chuyển dân của hai làng Đăk Tăng và Vi Rin về các khu tái định cư, cơ bản người dân đã ổn định tái định cư.

- Các hạng mục tái định canh đã thi công xây dựng được hơn 90%, Chủ đầu tư tiếp tục phối hợp cùng Ban QLDA thành phần đẩy nhanh tiến độ thi công để sớm hoàn thành bàn giao cho người dân sản xuất.

5) Công tác giải quyết tranh chấp Hợp đồng với Nhà thầu Trung Quốc

- Hiện nay, Chủ đầu tư đang phối hợp cùng với các Công ty Luật tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, chứng cứ để bổ sung bản tự bảo vệ và chuẩn bị lời chứng về sự kiện và ý kiến chuyên gia của Bị đơn.

- Theo thời gian biểu tranh tụng đã thống nhất với VIAC thì bắt đầu từ tháng 5/2017 mới bắt đầu phiên xét xử. Như vậy, có thể vụ tranh chấp sẽ hết năm 2017 mới có phán quyết của Hội đồng Trọng tài.

*b. Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:*

Do điều kiện thu xếp vốn khó khăn, và để tập trung nguồn lực vào dự án Thượng Kon Tum, HĐQT đã ra Nghị quyết tạm dừng dự án. Ban QLDA chỉ thi công hoàn thiện các công trình phụ trợ như: đường vào nhà máy, đường vào tuyến đập và nhà quản lý điều hành Ban QLDA tại Vĩnh Sơn.

*c. Các Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn và thủy điện Sông Hinh:*

\* Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn:

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.

\* Nâng cấp hồ Sông Hinh:

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện M Đ'răk thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

**3.2. Các công ty con và công ty liên kết: (đến 31-12-2016)**

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Công ty con	Công ty liên kết
1. Tổng tài sản	2,42	29,67
2. Vốn điều lệ thực góp	1,00	9,81
3. Tỷ lệ sở hữu	100%	49,72%
4. DT bán hàng và dịch vụ	5,66	21,48
5. Lợi nhuận trước thuế	0,13	4,91

6. Lợi nhuận sau thuế	0.10	3,93
7. Lợi nhuận chuyển về CT	-	1,60

#### 4. Tình hình tài chính:

##### 4.1. Tình hình tài chính: (đến 31-12-2016)

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1. Tổng tài sản	5.049,38	6.110,21	121,01
2. DT bán hàng và dịch vụ	467,42	448,17	95,93
3. Doanh thu tài chính	29,08	52,95	182,08
4. LN thuần từ hoạt động KD	290,74	279,84	96,21
5. Lợi nhuận khác	-7,70	1,00	
6. Lợi nhuận từ công ty liên kết	1,39	1,60	115,11
7. Lợi nhuận trước thuế	283,04	280,84	98,94
8. Lợi nhuận sau thuế	251,62	258,12	102,79
9. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (10%)	82%	80%	97,56

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ĐV: tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<b>Cơ cấu tài sản</b>				
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	39,97	35,28	
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	60,83	64,72	
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	44,72	53,64	
- Vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	55,28	46,36	
<b>Khả năng thanh toán</b>				
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,17	4,41	
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,24	1,86	
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>				

- Tsuất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,98	4,22	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	50,67	51,40	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	12,20	12,52	

## **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

### **5.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2016: 206.241.246 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành vào thời điểm 31/12/2016: 206.241.246 cổ phiếu phổ thông.

### **5.2. Cơ cấu cổ đông:** (tính đến 05/04/2016)

1- Số cổ phần hiện tại: 206,241,246 CP (4.116 cổ đông)

Trong đó:

- Cổ đông nhà nước sở hữu : 112,514,878 CP chiếm 54.55%
- Cổ đông ngoài sở hữu : 93,726,368 CP chiếm 45.45%

Trong đó:

- + Cổ đông trong nước sở hữu : 36,835,679 CP chiếm 17.86 %
  - \* Cổ đông là tổ chức : 11,306,942 CP chiếm 5.48 %
  - \* Cổ đông là cá nhân : 25,528,737 CP chiếm 12.38 %
- + Cổ đông nước ngoài sở hữu : 56,890,689 CP chiếm 27.58 %
  - \* Cổ đông là tổ chức : 55,923,713 CP chiếm 27.12 %
  - \* Cổ đông là cá nhân : 966,976 CP chiếm 0.47 %

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

### **5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2016: Không có.
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có.

**5.5 Các chứng khoán khác:** Không có.

## **6. Tác động liên quan đến môi trường và xã hội:**

### **6.1. Nguồn nguyên vật liệu:**

Đặc thù của nhà máy thủy điện nên là việc sản xuất điện năng chỉ dựa vào thế năng của nước (chiều cao cột nước) nên không sử dụng các loại nguyên vật liệu khác.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

Như đã nêu trên, việc sản xuất điện năng của nhà máy thủy điện không sử dụng các nguồn năng lượng khác.

### **6.3. Tiêu thụ nước:**



a. Nguồn cung cấp và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp là nước mặt do mưa tự nhiên được tích ở các hồ chứa. Tổng lượng nước sử dụng để phát điện là: 1.360.604 triệu m<sup>3</sup> (Vĩnh Sơn: 266.330x0.72, Sông Hình: 413.020x2.83)

b. Tỷ lệ và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

#### **6.4. Tuân thủ pháp luật về môi trường:**

a. Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b. Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

**6.5. Chính sách đối với người lao động:** Đã trình bày ở mục 2.4

#### **6.6. Trách nhiệm với cộng đồng địa phương:**

Năm 2016, đã thực hiện chi 914,24 triệu đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ kinh phí 550 triệu đồng để xây dựng 11 ngôi nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách, neo đơn, hộ nghèo đặc biệt khó khăn có nhu cầu về nhà ở.
- Nhận phụng dưỡng 10 Mẹ Việt Nam anh hùng với mức phụng dưỡng 500.000 đồng/mẹ/tháng.
- Đóng góp ủng hộ cho đồng bào bị bão lụt tỉnh Bình Định 100 triệu đồng
- Thăm hỏi và tặng quà các gia đình chính sách, các mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh – Liệt sỹ, các hộ chính sách, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn nhà máy; đóng góp các quỹ: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, vì nạn nhân chất độc da cam, vì người nghèo ... với giá trị quà tặng gần 300 triệu đồng.
- Chi hỗ trợ công tác khuyến học và học bổng cho học sinh nghèo tại địa bàn 02 nhà máy nhân ngày khai giảng năm học mới 10 triệu đồng.
- Đóng góp cho Khối SXKD & DV TW đóng trên địa bàn tỉnh Bình Định 05 triệu đồng để xây dựng nhà tình nghĩa.
- Ngoài ra, người lao động còn tham gia đóng góp từ tiền lương của mình để ủng hộ các hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh Bình Định và giúp đỡ đồng bào bị thiên tai trên cả nước theo phát động của GENCO3.

**6.7. Hoạt động thị trường vốn xanh:** Chưa thực hiện.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

##### **1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty:**

Trong điều kiện tình hình kinh tế không ổn định, thị trường chứng khoán đi xuống, tính thanh khoản thấp, Công ty đã có những chính sách thận trọng trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2016 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

- Mặc dù tình hình thời tiết không được thuận lợi, các hồ chứa không được tích đủ nước như hàng năm nhưng với sự tổ chức điều hành hợp lý của Ban điều hành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty trong việc điều tiết các hồ chứa và quản lý vận hành hai nhà máy đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo nhu cầu điều động hệ thống điện, đặc biệt là trong công tác thị trường điện.

- Công tác đầu tư xây dựng dự án thủy điện Thượng Kon Tum gặp rất nhiều khó khăn chủ yếu là hạng mục Tuyển năng lượng do nhà thầu Trung Quốc thi công bằng TBM đã chấm dứt hợp đồng và ngừng thi công. Để tiếp tục triển khai các hạng mục và tái khởi động lại dự án, Công ty đã ký hợp đồng với Liên danh nhà thầu Công ty CP xây dựng 47 và Công ty Robbins USA thực hiện các khối lượng còn lại của hầm dẫn nước, đồng thời đưa ra các định hướng quan trọng để xử lý các vấn đề hiện tại và lâu dài cho dự án nhằm đảm bảo dự án được thực hiện đúng tiến độ đã được phê duyệt.

### ***1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:***

Trong năm 2016, Công ty đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

#### ***\*Trong công tác quản lý:***

- Ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

- Kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

- Ngoài ra, hoạt động của Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH cũng đã đem lại những hiệu quả thiết thực, góp phần giảm chi phí đầu tư các dự án và đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ.

#### ***\*Trong công tác kiểm soát:***

- Năm 2016, Công ty đã tiến hành áp dụng thực hiện chương trình Kaizen/5S cho tất cả các bộ phận quản lý cũng như các nhà máy sản xuất, tối ưu hóa các quy trình, công việc, đảm bảo duy trì công tác sẵn sàng sản xuất, tiến tới đạt hiệu quả sản xuất cao nhất.

- Tất cả các bộ phận trong Công ty đều duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công tác quản lý, tuân thủ các quy trình, quy định, thực hiện và kiểm soát đầy đủ các mục tiêu chất lượng của từng bộ phận, đảm bảo Mục tiêu chất lượng của toàn Công ty.

- Năm 2016, Công ty bắt đầu triển khai áp dụng chương trình quản lý nhân sự theo hiệu suất, xây dựng và áp dụng chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPIs)

- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ việc thực hiện các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế thấp nhất việc xảy ra các sự cố.

- Thực hiện cập nhật những thay đổi, cải tiến trong quá trình áp dụng, sửa đổi và ban hành Sổ tay chất lượng theo cơ cấu của Công ty.

## **2. Tình hình tài chính:**

### **2.1. Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản tính đến 31/12/2016 có tăng hơn so với tại thời điểm 31/12/2015 do tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Tài sản ngắn hạn: tăng, chủ yếu là tăng các khoản tiền tạm ứng cho các nhà thầu thi công dự án Thượng Kon Tum.
- Tài sản dài hạn: tăng, chủ yếu là tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do đầu tư xây dựng các dự án trong năm.

Trong cơ cấu tài sản không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu có khả năng ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **2.2. Tình hình nợ phải trả:**

Tình hình nợ phải trả hiện tại: Các khoản nợ hiện tại chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn, biến động lớn là do khoản vay nợ trung dài hạn cho dự án. Cụ thể:

- Vay và nợ ngắn hạn: Trong năm 2015, Công ty đã ký kết các hợp đồng trung dài hạn cho các dự án, cho nên tình hình vay và nợ ngắn hạn không có biến động lớn.
- Vay và nợ dài hạn: Tăng chủ yếu là do ngân hàng giải ngân thanh toán giá trị khối lượng thực hiện trong năm và hoàn trả một phần chi phí đầu tư mà Công ty đã chi trước cho dự án Thượng Kon Tum.

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty không có nợ xấu. Chênh lệch tỷ giá cũng không có ảnh hưởng lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì số dư nợ ngoại tệ còn tương đối thấp và trong năm cũng không có biến động lớn về tỷ giá.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Năm 2016, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Năm 2016, việc thực hiện đầu tư các dự án thủy điện chưa đúng tiến độ theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị do vướng mắc một số thủ tục (đặc biệt là ảnh hưởng của việc chấm dứt hợp đồng với nhà thầu Trung Quốc). Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện giải pháp thay thế (bằng Liên danh nhà thầu C47 – Robbin USA), đồng thời cũng thực hiện linh hoạt và đồng bộ việc đảm bảo kế hoạch nhu cầu vốn cho các năm tiếp theo trên cơ sở phát huy nguồn vốn tự có tích lũy và huy động từ bên ngoài. Việc huy động các nguồn từ bên ngoài: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay trong nước và nước ngoài... phải dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích của cổ đông (cổ tức) và hiệu quả các dự án đầu tư. Công ty triển khai các kế hoạch như sau:

##### **4.1. Chiến lược đầu tư ngắn hạn:**

Nhằm mục đích tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy hiện có, bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng sản lượng điện cho các nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông khi phát hành tăng vốn điều lệ và vốn tự có đối ứng để xây các dự án thủy điện mới như Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2&3.

- Nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước. Tư vấn thiết kế và Tư vấn thẩm tra đang hoàn thiện và trình Bộ Công thương.
- Nâng cấp hồ Sông Hinh: Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phân đất ở huyện MaĐ'rak thuộc tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, Tư vấn đang kiểm tra và trình cho Công ty xem xét PA nâng XD thêm 1 nhà máy để phát điện giờ cao điểm và mùa lũ.

##### **4.2. Chiến lược đầu tư dài hạn:**

- Dự án Thượng Kon Tum: đã thực hiện các giải pháp thay thế để tiếp tục khởi động thực hiện các hạng mục của dự án sớm nhất, đảm bảo theo đúng tiến độ hiệu chỉnh được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Dự án Vĩnh Sơn 3: Hiện tại Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để xem xét việc tái khởi động lại dự án. Đến thời điểm thích hợp, dự án sẽ được tiếp tục thực hiện.

##### **4.3. Chiến lược tài chính để phục vụ các dự án:**

- Năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn với các ngân hàng thương mại và ngân hàng cũng đã thực hiện giải ngân cho dự án. Do vậy đã đảm bảo được vốn thực hiện dự án năm 2016.
- Dự kiến khi tình hình tài chính thuận lợi, Công ty sẽ phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi dự án cần vốn. Trong những năm tới, Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu tài chính để đảm bảo khi dự án hoàn thành, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ là 40/60.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:** Không có.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2016 là năm Công ty gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, do tình hình thủy văn mùa mưa năm 2016 không thuận lợi, lượng mưa thấp nên sản lượng điện phát trong năm rất thấp so với trung bình nhiều năm. Vì vậy sản lượng năm 2016 không đạt sản lượng kế hoạch đề ra.

Công tác vận hành, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt chất lượng tốt, đảm bảo 2 nhà máy vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đáp ứng phương thức vận hành của Trung tâm Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia. Thực hiện tốt công tác ATLD – VSLĐ – PCCN, trong năm không xảy ra tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Công tác vận hành các hồ chứa đảm bảo an toàn thiết bị công trình và cư dân hạ du.

Năm 2016, tuy thời tiết không được thuận lợi nhưng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tất cả các nhân viên trong Công ty, tình hình sản xuất kinh doanh tài chính và đầu tư xây dựng vẫn đạt kết quả tốt, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều hoàn thành kế hoạch được giao.

##### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Nhìn chung, Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đúng các chức năng theo quy định của Điều lệ Công ty. Tình hình sản xuất kinh doanh điện năng năm qua có khó khăn, dù đã có nhiều cố gắng trong quản lý và điều hành như các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận không đạt như kế hoạch đề ra.

Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc sắp xếp, ổn định bộ máy tổ chức của Công ty đảm bảo Công ty hoạt động đều; có sự năng động trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Năm 2016, hoạt động của HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

1- Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo các nhiệm vụ và chức năng được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

2- Chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các kế hoạch dài hạn nhằm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh, có khả năng cạnh tranh để định hướng phát triển Công ty. Cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

**2.1- Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện:**

Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư. Cụ thể như sau:

**\* Dự án thủy điện Thượng Kon Tum**

1. Tuyển áp lực:

a. Đập dâng: Đã thực hiện đến cao trình 1.161,2 m/1.164 m. Tiếp tục đắp thân đập đến cao trình 1.164m, hoàn thành gia cố mái thượng lưu đạt cao trình thiết kế.

b. Đập tràn: Thi công bê tông trụ pin và trụ biên đập tràn đạt cao trình thiết kế, lắp đặt xong cửa van cung và cửa van sửa chữa đập tràn, tiến hành thử khô cửa van tràn.

Phấn đấu hoàn thành cơ bản Tuyển áp lực, bao gồm: đập dâng và đập tràn xả lũ trong tháng 6/2017.

2. Tuyển năng lượng:

a. Hạng mục: Cửa nhận nước và 5km đầu đường hầm thi công bằng phương pháp khoan nổ:

Đã thực hiện 1.216,6/1.890m, trong năm 2017 cần tăng cường nhân lực và thiết bị thi công, thường xuyên có biện pháp xử lý tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ.

b. Hạng mục: Đường hầm dẫn nước từ km5 đến km17+447 thi công bằng máy TBM:

Hợp đồng với Liên danh nhà thầu có hiệu lực từ tháng 7/2016. Đã thực hiện 2.233m/10.449m đáp ứng được tiến độ năm 2016. Phấn đấu thi công trong năm 2017 đạt tiến độ đề ra.

c. Hạng mục: Cụm nhà máy:

Bắt đầu thi công từ đầu tháng 01/2016 bao gồm: hầm áp lực, buồng điều áp khí nén; nhà máy, gian biến áp chính, hầm thông gió chính và dẫn cáp, trạm phân phối hở, kênh xả và hầm giao thông. Năm 2016 cơ bản đáp ứng được tiến độ, năm 2017 cần tăng cường nguồn lực, thiết bị, tập trung thi công để đẩy mạnh tiến độ của các phần chậm trễ. Đặc biệt thường xuyên duy tu bảo dưỡng máy phát điện dự phòng luôn trong trạng thái sẵn sàng để phục vụ thi công.

3. Công tác tiếp nhận thiết bị cơ điện:

Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, vận chuyển và bảo quản thiết bị theo đúng tiến độ đề ra.

4. Công tác bồi thường-GPMB, thu hồi giao đất và di dân, tái định cư:

a. Công tác thường-GPMB: Phấn đấu trong năm 2017, giải quyết dứt điểm các tồn tại của công tác bồi thường-GPMB;

b. Công tác thu hồi giao đất: Trong năm 2017, giải quyết dứt điểm các tồn tại của công tác chuyên mục đích sử dụng, thu hồi giao đất và cho thuê đất để xây dựng dự án theo đúng quy định.

c. Công tác di dân, tái định cư: Phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết tốt công tác hậu tái định cư. Đôn đốc Ban QLDA di dân của huyện Kon Plông đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình tái định canh, để bàn giao đất sản xuất cho người dân, nhằm sớm ổn định đời sống của người dân bị thiệt hại phải tái định cư trong vùng dự án.

5. Công tác Rà phá bom mìn, vật nổ và thu dọn lòng hồ:

- Triển khai công tác Rà phá bom mìn, vật nổ trong lòng hồ và thu dọn lòng hồ trước khi tích nước hồ chứa theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng:

Tiếp tục thực hiện tốt công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng với Nhà thầu Hoa Đông-Trung Quốc, cụ thể:

- Phối hợp cùng với các đơn vị tư vấn luật chuẩn bị hồ sơ tự bảo vệ và đơn phản tố bổ sung để giao nộp cho VIAC đúng thời gian quy định;

- Tham gia và theo dõi diễn biến các phiên xử để cùng các đơn vị tư vấn luật kịp thời có những đối sách thích hợp nhằm đảm bảo vụ kiện thắng lợi.

\* Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3:

Hoàn thiện các yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định về bảo đảm môi trường xây dựng các công trình phụ trợ: đường vào nhà máy, đường vào đập;

\* Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn:

Hoàn thành thẩm định, thỏa thuận với các cấp có thẩm quyền và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, với mục tiêu là thanh lý kho mìn và hoàn thiện công tác quản lý hồ đập theo quy định của nhà nước.

\* Dự án nâng cao năng lực hồ chứa thủy điện Sông Hinh:

Hoàn thành công tác cắm mốc, xác định diện tích đất trong vùng bán ngập, kiểm tra tính pháp lý của phần đất ở huyện Ma Đ'Răk thuộc tỉnh Đăk Lăk.

**2.2- Kế hoạch phát triển công nghệ và nguồn nhân lực:**

Tiếp tục xây dựng mô hình quản lý hiện đại để tăng hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh; sắp xếp và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho phù hợp với mô hình sản xuất.

**2.3- Kế hoạch Tài chính doanh nghiệp:**

Cân đối nguồn vốn (từ vốn tích lũy và vốn vay) để sử dụng cho các dự án đầu tư trong năm 2017 của Công ty một cách hiệu quả nhất.

**2.4- Quản trị doanh nghiệp:**

Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động cụ thể của Công ty. Kịp thời đổi mới mô hình quản lý điều hành của Công ty để nâng cao hiệu quả.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

##### 1.1.1. Danh sách:

- Ông Võ Thành Trung - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Thanh - Ủy viên HĐQT
- Ông Trần Mạnh Hữu - Ủy viên HĐQT
- Ông Phan Hồng Quân - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Hồng Sơn - Ủy viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)
- Ông Nguyễn Xuân Quang - Ủy viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 26/05/2016)

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành.

##### 1.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Võ Thành Trung	Chủ tịch	38.070.539	260.370	37.810.169	18.46
2. Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	25.225.292	18.513	25.206.779	12,23
3. Trần Mạnh Hữu	Ủy viên	49.497.930	0	49.497.930	24.00
4. Phan Hồng Quân	Ủy viên	0	0	0	0
5. Nguyễn Xuân Quang	Ủy viên	29.234.900	0	29.234.900	14,17

##### 1.1.3. Chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác:

Họ và tên	Chức vụ	Chức danh HĐQT tại các Công ty khác
Võ Thành Trung	Chủ tịch	- Chủ tịch HĐQT, CTCP Du lịch Bình Định
Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	



Trần Mạnh Hữu	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Traphaco - TV HĐQT, CTCP Xi măng Cẩm Phả - TBKS, CTCP Gang thép Thái Nguyên
Phan Hồng Quân	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP Lọc hóa dầu Việt Nam - CT HĐQT, CTCP Đầu tư XNK Trấn Thành
Nguyễn Xuân Quang	Ủy viên	- TV HĐQT, CTCP thủy điện Thái An - TV HĐQT, CTCP Za Hưng

**1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:** Có một tiểu ban:

Tiểu ban Kinh tế - Kỹ thuật được thành lập theo nghị quyết số 469/2014/NQ-VSH-HĐQT ngày 21/04/2014 của Hội đồng quản trị. Trong năm 2016, tiểu ban không hoạt động.

**1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2016, HĐQT Công ty họp 7 lần và lấy ý kiến qua thư 64 lần, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên và theo nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, nghị quyết của HĐQT tại phiên họp thường kỳ. Cụ thể:

- Tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Công tác SXKD và ĐTXD năm 2016 nhất trí theo các báo cáo của TGD.
- Làm việc với các tổ chức tín dụng, ký kết các hợp đồng vay vốn cho dự án thủy điện Thượng Kon Tum.
- Triển khai thực hiện Dự án thủy điện Thượng Kon Tum

**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2016**

Số t t	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	87/2016/NQ-VSH-HĐQT	26/01/2016	Phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật VSH
2.	135/2016/NQ-VSH-HĐQT	19/02/2016	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 01/2016 ngày 19 tháng 02 năm 2016: Phê duyệt các nội dung thuộc dự án thủy điện Thượng Kon Tum
3.	275/2016/NQ-VSH-HĐQT	17/03/2016	Nghị quyết triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 và chốt danh sách tạm thanh toán cổ tức 10% năm 2015
4.	288/2016/NQ-VSH-HĐQT	18/03/2016	Nghị quyết thông qua chủ trương cho Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn sử dụng tuyến đường giao thông vận hành NMTĐ Vĩnh Sơn và tuyến

			đường vào nhà máy TĐ Vĩnh Sơn 3, để thi công thủy điện Vĩnh Sơn 4
5.	422/2016/NQ-VSH-HĐQT	8/4/2016	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 02/2016, ngày 08/04/2016. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phê duyệt Kế hoạch SXKD và ĐTXD năm 2016.</li> <li>2. Phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản, vật tư tồn đọng, kém phẩm chất không có nhu cầu sử dụng.</li> <li>3. Phê duyệt các nội dung thuộc dự án thủy điện Thượng Kon Tum.</li> <li>4. Thống nhất gia hạn ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 đến ngày 25/5/2016.</li> </ol>
6.	430/2016/NQ-VSH-HĐQT	8/4/2016	Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ CBCS Công an làm nhiệm vụ bảo vệ công trình thủy điện Thượng Kon Tum trong năm 2016
7.	516/2016/NQ-VSH-HĐQT	27/04/2016	Nghị quyết phê duyệt dự thảo HĐ bảo hiểm trong quá trình thi công xây dựng Tuyến năng lượng, DA thủy điện Thượng Kon Tum
8.	620/2016/NQ-VSH-HĐQT	18/05/2016	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 03/2016, ngày 18/5/2016 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt các tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ TN năm 2016</li> <li>- Phê duyệt các nội dung thuộc dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
9.	621/2016/NQ-VSH-HĐQT	18/05/2016	Nghị quyết phê duyệt nội dung thương thảo HĐ với nhà thầu CC 47 - The Robbins USA, gói thầu: TKT-4.2.1B, DA TĐ TKT
10.	656/2016/NQ-VSH-HĐQT	26/05/2016	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 4/2016 ngày 26/5/2016: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.</li> <li>- Phê duyệt các nội dung thuộc dự án thủy điện Thượng Kon Tum.</li> <li>- Thống nhất chủ trương thành lập Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn 2&amp;3</li> </ul>
11.	706/2016/NQ-VSH-HĐQT	6/06/2016	Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đấu thầu Dự án thủy điện Thượng Kon Tum
12.	749/2016/NQ-VSH-HĐQT	14/06/2016	Nghị quyết phê duyệt kết quả đấu thầu, gói thầu TKT-E&M EL2-4.2.2.3: Lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị cơ điện nhà máy, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum
13.	750/2016/NQ-VSH-HĐQT	14/06/2016	Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu, gói thầu: Lắp đặt và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị cơ điện nhà máy, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum
14.	945/2016/NQ-VSH-HĐQT	20/7/2016	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 5/2016 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất chủ trương dự án phục hồi hệ thống đo đếm chính Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh.</li> <li>- Phê duyệt các nội dung thuộc dự án thủy điện Thượng Kon Tum.</li> <li>- Thống nhất chủ trương thành lập Công ty CP</li> </ul>

			<p>thủy điện Vĩnh Sơn 2&amp;3 và thuê Tư vấn thẩm định giá trị Dự án đã đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền CT HĐQT phê duyệt các Quy chế thuộc thẩm quyền HĐQT.</li> <li>- Thống nhất tạm ứng thù lao HĐQT, BKS năm 2016 như mức chi năm 2015.</li> </ul>
15.	1153/2016/NQ-VSH-HĐQT	5/9/2016	<p>Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 6/2016</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất các nội dung liên quan vụ kiện 24/14, dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
16.	1167/2016/NQ-VSH-HĐQT	7/9/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết phê duyệt thiết kế BVTC và Dự toán, hệ thống điện dự phòng Diesel cho gói thầu TKT-4.2.1B, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
17.	1168/2016/NQ-VSH-HĐQT	7/9/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết phê duyệt đề cương - Dự toán đánh giá mức độ ổn định các đoạn hầm đã thi công, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
18.	1169/2016/NQ-VSH-HĐQT	7/9/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết phê duyệt bổ sung chi phí thuê chuyên gia nước ngoài tham gia lập dự toán đào hầm bằng TBM, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
19.	1170/2016/NQ-VSH-HĐQT	7/9/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết phê duyệt thiết kế chế tạo và dự toán cung cấp, vận chuyển, lắp đặt, thiết bị hạng mục : Cửa nhận nước, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
20.	1231/2016/NQ-VSH-HĐQT	21/9/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết dự toán chi phí giám sát lắp đặt thiết bị cơ điện nhà máy và thiết bị cơ khí thủy công, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
21.	1345/2016/NQ-VSH-HĐQT	18/10/2016	<p>Nghị quyết phiên họp HĐQT lần 07/2016 ngày 17/10/2016.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt chủ trương thay mới van đầu Nhà máy Sông Hinh.</li> <li>- Phê duyệt các nội dung thuộc dự án thủy điện Thượng Kon Tum.</li> </ul>
22.	1530/2016/NQ-VSH-HĐQT	30/11/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết phê duyệt tiến độ thi công và biện pháp đảm bảo tiến độ thi công gói thầu TKT-4.2.1B, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum</li> </ul>
23.	1575/2016/NQ-VSH-HĐQT	8/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết phê duyệt dự toán bổ sung, gói thầu TKT-4.2.1A, mục: Khoan xử lý bịt nước ngầm đoạn đường hầm từ Km0-Km3+110, DA TĐ TKT.</li> </ul>
24.	1601/2016/NQ-VSH-HĐQT	14/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết phê duyệt KTBVTC-DT, mục sân vườn, hạng mục: Khu quản lý vận hành, Dự án thủy điện Thượng Kon Tum.</li> </ul>

**1.4. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

- Ông Võ Thành Trung
- Ông Nguyễn Văn Thanh
- Ông Trần Mạnh Hữu
- Ông Phan Hồng Quân

- Ông Nguyễn Xuân Quang

## 2. Ban Kiểm soát:

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Việt Hà – Trưởng BKS  
- Ông Trương Minh Hùng – Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)

- Bà Vũ Phương Thảo – Thành viên BKS  
- Ông Hoàng Xuân Tùng – Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 26/05/2016)  
- Ông Trương Minh Tuấn – Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 26/05/2016)

Ban kiểm soát gồm 04 người đều là thành viên độc lập không điều hành.

### 2.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Họ và tên	Chức vụ	CP có quyền biểu quyết			Tỷ lệ
		Tổng số	Trong đó		
			Sở hữu	Đại diện	
1. Nguyễn Việt Hà	Tr. ban	0			
2. Vũ Phương Thảo	T. viên	0			
3. Hoàng Xuân Tùng	T. viên	0			
4. Trương Minh Tuấn	T. viên	0			

### 2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Tham gia toàn bộ các cuộc họp Hội đồng quản trị (qua thư hoặc họp định kỳ trực tiếp); Thực hiện hoạt động giám sát thông qua việc kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp, tuân thủ trong việc ban hành các quyết định, nghị quyết, nội quy, quy chế của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty; Rà soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016; Kiểm tra việc thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn của Công ty kết hợp với việc thăm thực tế thi công công trường.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. HĐQT và TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ (cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan; cung cấp tài liệu họp HĐQT và mời BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT, một số cuộc họp với nhà thầu của Công ty và các cuộc họp khác).

Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của BKS đều được gửi tới HĐQT và Tổng Giám đốc.

- Hoạt động khác của BKS:

Phối hợp với HĐQT và Tổng Giám đốc, hỗ trợ trong công tác tái khởi động dự án, lựa chọn nhà thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng với nhà thầu; đưa ra các ý kiến đóng góp để nâng cao hiệu quả quản trị và kinh doanh của Công ty.

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

ĐV: triệu đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số	Trong đó		
			Lương Thù lao	Thưởng	Lợi ích khác
<b>Hội đồng quản trị</b>					
1. Võ Thành Trung	Chủ tịch	540	540		
2. Trần Mạnh Hữu	Ủy viên				
3. Phan Hồng Quân	Ủy viên	90			
4. Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên				
<b>Ban Giám đốc</b>					
1. Nguyễn Văn Thanh	TGD	765,29	765,29		
2. Hoàng Anh Tuấn	PhóTGD	731,71	731,71		
3. Dương Tấn Tường	PhóTGD	734,96	734,96		
<b>Ban Kiểm soát</b>					
1. Nguyễn Việt Hà	Tr. ban				
2. Trương Minh Hùng	T. viên				
3. Vũ Phương Thảo	T. viên	72			
4. Trương Minh Tuấn	T. viên				
5. Hoàng Xuân Tùng	T. viên				

Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ được xác định khi có nghị quyết của Đại hội cổ đông.

#### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Hội đồng quản trị: Không có

Ban Kiểm soát: Không có

Ban Giám đốc: Không có

Kế toán trưởng: Không có

Thư ký công ty: Không có

Cổ đông lớn:

- Ngày 26/4/2016: Công ty TNHH Perfetto hoàn thành việc mua 29.234.900 CP, CPSH sau giao dịch 29.234.900 CP (chiếm 14,18 % vốn điều lệ).
- Ngày 26/04/2016 Tổ chức VIAC (NO.1) Limited Partnership hoàn thành việc bán 22.626.810 CP, CPSH sau giao dịch 0 CP (chiếm 0 % vốn điều lệ).
- Ngày 06/12/2016 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hoàn thành việc bán 49.497.930 CP, CPSH sau giao dịch 0 CP (chiếm 0 % vốn điều lệ).
- Ngày 12/12/2016 Công ty CP Cơ Điện Lạnh hoàn thành việc mua 43.275.280 CP, CPSH sau giao dịch 43.329.650 CP (chiếm 21,01 % vốn điều lệ).

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

#### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN – SÔNG HÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40..

#### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Các vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 33 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện giữa Công ty và Tổ hợp nhà thầu Trung Quốc gồm (i) Tổng Công ty công trình HydroChina Huadong và (ii) Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

---

**Mai Việt Hùng Trân**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
số 0048-2016-006-1

---

**Nguyễn Thị Cẩm Nhung**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
số 2636-2013-006-1

*Số hiệu báo cáo kiểm toán:*  
*HCM5701*  
*TP Hồ Chí Minh, ngày 24/3/2017*

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (đính kèm)**

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH** *aluel*



*[Handwritten signature]*  
**Võ Thành Trung**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 4 tháng 5 năm 2005 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 4 năm 2015

#### Hội đồng Quản trị

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
Ông Trần Mạnh Hữu	Thành viên
Ông Phan Hồng Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban
Ông Hoàng Xuân Tùng	Thành viên
Ông Trương Minh Tuấn	Thành viên
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

#### Trụ sở chính

21 Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 40. Báo cáo tài chính hợp nhất này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Bình Định, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cần lưu ý người đọc đến Thuyết minh 33 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện giữa Công ty và Tổ hợp nhà thầu Trung Quốc gồm (i) Tổng Công ty Công trình Hydrochina Huadong và (ii) Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2016 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2016-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Cẩm Nhung  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2636-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5701  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.155.744.127.715</b>	<b>1.994.597.088.984</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>320.473.727.997</b>	<b>1.153.237.223.520</b>
111	Tiền		3.653.727.997	5.995.449.909
112	Các khoản tương đương tiền		316.820.000.000	1.147.241.773.611
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>663.530.000.000</b>	<b>33.500.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	663.530.000.000	33.500.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>753.675.386.465</b>	<b>417.706.316.401</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	131.362.893.899	114.067.710.559
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	603.081.857.298	289.487.588.263
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	19.230.635.268	14.151.017.579
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>374.227.401.172</b>	<b>368.861.496.192</b>
141	Hàng tồn kho	8	374.227.401.172	368.861.496.192
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>43.837.612.081</b>	<b>21.292.052.871</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		17.202.197	49.888.142
152	Thuế GTGT được khấu trừ	9	43.820.409.884	21.242.164.729
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.954.377.841.088</b>	<b>3.054.787.902.588</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>762.607.725.131</b>	<b>813.682.843.001</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10	762.607.725.131	813.682.843.001
222	Nguyên giá		3.046.864.257.397	3.017.226.339.004
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.284.256.532.266)	(2.203.543.496.003)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.166.605.788.887</b>	<b>2.205.665.522.124</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.166.605.788.887	2.205.665.522.124
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>13.065.093.569</b>	<b>12.916.138.402</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	13.065.093.569	12.916.138.402
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.099.233.501</b>	<b>22.523.399.061</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	1.148.407.952	9.261.457.914
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	2.614.401.679	2.614.401.679
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	13	8.336.423.870	10.647.539.468
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>6.110.121.968.803</b>	<b>5.049.384.991.572</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

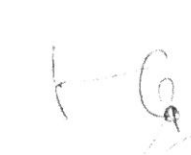
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.277.436.249.959</b>	<b>2.258.034.480.817</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>488.485.323.544</b>	<b>483.489.068.623</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	200.089.568.818	197.593.825.631
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		40.000.000	80.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	23.640.500.626	15.450.655.041
314	Phải trả người lao động		5.461.145.615	4.179.028.919
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		648.668.944	352.995.566
319	Các khoản phải trả ngắn hạn khác		2.627.279.858	2.437.514.630
320	Vay ngắn hạn	16(a)	246.257.501.166	250.800.909.611
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.720.658.517	12.594.139.225
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>2.788.950.926.415</b>	<b>1.774.545.412.194</b>
338	Vay dài hạn	16(b)	2.788.950.926.415	1.774.545.412.194
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.832.685.718.844</b>	<b>2.791.350.510.755</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.832.685.718.844</b>	<b>2.791.138.077.663</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		6.332.468.038	6.332.468.038
418	Quỹ đầu tư phát triển		294.414.000.000	294.414.000.000
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		441.865.510.806	400.317.869.625
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		183.743.463.625	154.727.156.946
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		258.122.047.181	245.590.712.679
<b>430</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	<b>212.433.092</b>
432	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		-	212.433.092
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.110.121.968.803</b>	<b>5.049.384.991.572</b>

  
Phan Thị Thanh Thủy  
Người lập

  
Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2016 VND	31.12.2015 VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	448.174.167.916	467.423.749.013
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	448.174.167.916	467.423.749.013
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(181.435.899.315)	(164.972.355.690)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		266.738.268.601	302.451.393.323
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24	52.946.448.174	29.078.267.659
22	Chi phí tài chính	25	(19.678.911.270)	(21.121.842.777)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.197.289.216)	(8.784.863.001)
24	Phần lãi trong công ty liên kết		1.602.815.393	1.389.614.977
25	Chi phí bán hàng		-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(21.766.138.631)	(21.057.516.255)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		279.842.482.267	290.739.916.927
31	Thu nhập khác		1.105.988.648	164.759.544
32	Chi phí khác		(106.891.381)	(7.869.645.496)
40	Lợi nhuận/ (lỗ) thuần khác		999.097.267	(7.704.885.952)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		280.841.579.534	283.035.030.975
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(22.719.532.353)	(31.413.368.296)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		258.122.047.181	251.621.662.679
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.219	1.191



Phan Thị Thanh Thúy  
Người lập



Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 03 – DN/HN

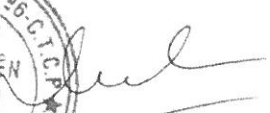
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	280.841.579.534	283.035.030.975
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	80.713.036.263	78.679.387.898
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25 14.468.887.036	15.305.190.483
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(52.946.448.174)	(29.498.642.485)
06	Chi phí lãi vay	25 5.197.289.216	8.784.863.001
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>328.274.343.875</b>	<b>356.305.829.872</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(40.338.702.838)	358.793.329.055
10	Tăng hàng tồn kho	(3.054.789.382)	(343.150.681.040)
11	Giảm các khoản phải trả	(4.096.654.675)	(50.414.871.935)
12	Giảm/ (Tăng) các chi phí trả trước	215.098.129	(1.173.492.597)
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.901.615.838)	(8.889.004.355)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(19.673.482.190)	(40.962.824.581)
16	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	37.389.091
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(212.433.092)	(9.578.746.733)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>256.211.763.989</b>	<b>260.966.926.777</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.304.172.454.191)	(560.791.844.000)
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn	(630.030.000.000)	(1.500.000.000)
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	48.143.149.661	21.928.363.939
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.886.059.304.530)</b>	<b>(540.363.480.061)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.477.977.281.557	2.389.304.912.295
34	Chi trả nợ gốc vay	(474.653.425.039)	(774.147.620.247)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20 (206.239.811.500)	(412.482.492.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>797.084.045.018</b>	<b>1.202.674.800.048</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(832.763.495.523)</b>	<b>923.278.246.764</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 1.153.237.223.520	229.958.976.756
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 320.473.727.997	1.153.237.223.520

  
Phan Thị Thanh Thủy  
Người lập

  
Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 40 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

#### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005 và các Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung. Trước đây, Công ty là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Công ty được chuyển đổi thành hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty có hai nhà máy thủy điện đang hoạt động là nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn đặt tại tỉnh Bình Định và nhà máy thủy điện Sông Hinh đặt tại tỉnh Phú Yên. Ngoài ra, Công ty còn có dự án đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản là nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại tỉnh Kon Tum.

Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có một công ty con và một công ty liên kết với chi tiết như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	100	100	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Du Lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	49,72	49,72	Du lịch khách sạn, lữ hành

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty có 188 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 178 nhân viên).

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **2.4 Cơ sở của việc hợp nhất báo cáo tài chính**

#### **Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.4 Cơ sở của việc hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**Công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong bên liên kết. Các chính sách kế toán của bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi các công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

**(a) Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

**(b) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

**(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**(b) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh để tạo ra sản lượng điện sản xuất và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.22 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty trong Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.23 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh/ khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Nhóm Công ty một cách toàn diện.

**2.24 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	349.056.151	434.873.932
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.304.671.846	5.560.575.977
Các khoản tương đương tiền (*)	316.820.000.000	1.147.241.773.611
	<u>320.473.727.997</u>	<u>1.153.237.223.520</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền trị giá 77,2 tỷ đồng được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (Thuyết minh 16(a)).

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31.12.2016</u>		<u>31.12.2015</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 12 tháng (*)	663.530.000.000	663.530.000.000	33.500.000.000	33.500.000.000

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 284,5 tỷ đồng được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (Thuyết minh 16).

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư vào công ty liên kết

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị ban đầu của đầu tư vào công ty liên kết	9.812.957.192	9.812.957.192
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	3.252.136.377	3.103.181.210
	<u>13.065.093.569</u>	<u>12.916.138.402</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Thuyết minh 31(b))	130.728.146.998	113.154.195.908
Khác	634.746.901	913.514.651
	<u>131.362.893.899</u>	<u>114.067.710.559</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty không có khoản phải thu nào quá hạn.

**6 TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bên thứ ba		
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</i>	346.367.266.787	79.670.867.369
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10</i>	82.878.021.434	90.000.000.000
<i>Andritz Hydro GmbH</i>	51.708.334.154	8.097.379.696
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Đức Bảo</i>		
<i>Kon Tum</i>	47.998.949.833	28.179.281.648
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</i>	11.999.459.162	20.053.101.000
Khác	62.129.825.928	63.486.958.550
	<u>603.081.857.298</u>	<u>289.487.588.263</u>

**7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu người lao động	1.753.493.018	1.320.660.617
Lãi tiền gửi dự thu	14.167.244.279	8.064.570.386
Phải thu khác	3.309.897.971	4.765.786.576
	<u>19.230.635.268</u>	<u>14.151.017.579</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**8 HÀNG TỒN KHO**

	31.12.2016		31.12.2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu tồn kho (*)	373.407.743.444	-	367.641.838.464	-
Chi phí SXKD dờ dang	819.657.728	-	1.219.657.728	-
	<u>374.227.401.172</u>	<u>-</u>	<u>368.861.496.192</u>	<u>-</u>

(\*) Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu bao gồm 336.381.659.046 VND là giá trị thiết bị mua trong năm liên quan tới hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

**9 THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Thuế giá trị gia tăng (Thuyết minh 15)	<u>43.820.409.884</u>	<u>21.242.164.729</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**10 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.055.609.772.893	922.354.817.485	29.927.164.273	9.334.584.353	3.017.226.339.004
Mua trong năm	3.720.268.460	18.858.020.000	2.693.648.982	207.748.182	25.479.685.624
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	4.158.232.769	-	-	-	4.158.232.769
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.063.488.274.122	941.212.837.485	32.620.813.255	9.542.332.535	3.046.864.257.397
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.320.784.702.272	853.719.507.679	25.675.047.286	3.364.238.766	2.203.543.496.003
Khấu hao trong năm	68.413.649.571	11.116.934.998	687.116.325	495.335.369	80.713.036.263
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.389.198.351.843	864.836.442.677	26.362.163.611	3.859.574.135	2.284.256.532.266
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	734.825.070.621	68.635.309.806	4.252.116.987	5.970.345.587	813.682.843.001
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	674.289.922.279	76.376.394.808	6.258.649.644	5.682.758.400	762.607.725.131

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình của Công ty với giá trị còn lại là 478.383.990.554 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 558.018.485.151 đồng) đã dùng làm tài sản thế chấp tại ngân hàng cho các khoản vay (Thuyết minh 16).

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 874.411.951.829 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 867.628.938.403 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	3.065.664.963.982	2.109.673.671.171
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (ii)	92.080.799.953	92.292.805.242
Khác	8.860.024.952	3.699.045.711
	<u>3.166.605.788.887</u>	<u>2.205.665.522.124</u>

(i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mỗi năm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kooi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, Tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận Đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007, là dự án chiến lược đầu tư phát triển của Công ty, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Thủy điện Vĩnh Sơn 2 có 2 hồ chứa Hồ Suối Say và Hồ Đak Kron Bun, với công suất lắp máy là 80 MW. Thủy điện Vĩnh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.213.242.112.053	1.775.454.622.167
Xây dựng cơ bản	737.115.670.285	291.501.668.264
Vốn hóa chi phí lãi vay	221.272.721.350	139.475.471.693
Chuyển sang TSCĐ (Thuyết minh 10)	(4.158.232.769)	(766.240.000)
Khác	(866.482.032)	-
Số dư cuối năm	<u>3.166.605.788.887</u>	<u>2.205.665.522.124</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí khảo sát, tư vấn, xây dựng nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn	1.148.407.952	9.261.457.914

Biến động chi phí trả trước trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	9.261.457.914	-
Tăng trong năm	723.741.451	17.857.505.760
Phân bổ trong năm	(8.836.791.413)	(8.596.047.846)
Số dư cuối năm	1.148.407.952	9.261.457.914

13 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>Bên thứ ba</b>		
Tổ hợp nhà thầu Hydro China Huadong – CR 18G (Thuyết minh 33)	188.796.692.308	188.796.692.308
Khác	11.292.876.510	8.797.133.323
	200.089.568.818	197.593.825.631

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	10.775.313.912	7.729.263.750
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.680.597	733.405.695
Thuế tài nguyên	7.109.050.777	3.453.635.596
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.661.455.340	3.534.350.000
	23.640.500.626	15.450.655.041

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Hoàn thuế VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
<b>a) Phải nộp</b>						
Thuế thu nhập doanh nghiệp						
- hiện hành	7.729.263.750	22.719.532.353	(19.673.482.191)	-	-	10.775.313.912
Thuế thu nhập cá nhân	733.405.695	2.732.304.026	(2.371.029.124)	-	-	1.094.680.597
Thuế tài nguyên	3.453.635.596	49.723.404.834	(46.067.989.653)	-	-	7.109.050.777
Thuế nhà đất	-	4.276.166	(4.276.166)	-	-	-
Tiền thuế đất	-	274.215.842	(274.215.842)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	14.421.154.108	(14.421.154.108)	-	-	-
Thuế nhà thầu	-	14.415.154.108	(14.415.154.108)	-	-	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	3.534.350.000	13.426.594.820	(12.299.489.480)	-	-	4.661.455.340
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.534.350.000	13.426.594.820	(12.299.489.480)	-	-	4.661.455.340
<b>Cộng</b>	<b>15.450.655.041</b>	<b>103.301.482.149</b>	<b>(95.111.636.564)</b>	-	-	<b>23.640.500.626</b>
<b>b) Phải thu</b>						
Thuế giá trị gia tăng	(21.242.164.729)	45.449.748.864	(2.947.100.589)	(51.145.918.829)	(13.934.974.601)	(43.820.409.884)
<b>Cộng</b>	<b>(21.242.164.729)</b>	<b>45.449.748.864</b>	<b>(2.947.100.589)</b>	<b>(51.145.918.829)</b>	<b>(13.934.974.601)</b>	<b>(43.820.409.884)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	Phát sinh trong năm		31.12.2016 Giá trị VND
	Tăng VND	Giảm VND	
<b>Vay ngân hàng</b>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định(i)	216.937.155.136	(183.318.987.035)	211.531.821.356
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (ii)	102.097.620.136	(74.798.131.200)	27.299.488.936
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum	106.850.000.000	(106.850.000.000)	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-
	455.884.775.272	(394.967.118.235)	238.831.310.292
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16(b))</b>			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên	7.428.871.930	(7.338.721.412)	7.426.190.874
Ngân hàng Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft	58.216.000	(65.609.432.000)	-
	7.487.087.930	(72.948.153.412)	7.426.190.874
	463.371.863.202	(467.915.271.647)	246.257.501.166

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)**

- (i) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 02/2016/509244/HMTC tháng 9 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 215 tỷ đồng. Kỳ hạn của khoản vay là 6 tháng, lãi suất 6,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 250 tỷ đồng (Thuyết minh 4(a)).
- (ii) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 169/16/NHNT ngày 30 tháng 6 năm 2016, với hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Kỳ hạn của khoản vay là 9 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền là 77,2 tỷ đồng (Thuyết minh 3).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

	Phát sinh trong năm			31.12.2016 Giá trị VND
	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	
<b>Vay ngân hàng</b>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên (i)	1.761.286.581	(7.542.230.358)	128.101.803.219	
Ngân hàng Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (ii)	124.096.318.682	(2.162.715.439)	356.659.561.667	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (iii)	439.982.823.688	403.635.032.729	-	843.617.856.417
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (iii)	196.627.583.474	103.196.968.571	-	299.824.552.045
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum (iii)	332.713.299.612	191.102.183.475	-	523.815.483.087
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Định (iii)	274.911.000.000	-	-	274.911.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hiệp Phú (iii)	161.702.000.000	200.318.669.980	-	362.020.669.980
	<u>1.774.545.412.194</u>	<u>1.024.110.460.018</u>	<u>(9.704.945.797)</u>	<u>2.788.950.926.415</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
Dưới 1 năm (Thuyết minh 16(a))	7.426.190.874	72.887.256.356
Từ 1 - 5 năm	-	-
Trên 5 năm	2.788.950.926.415	1.774.545.412.194
	<u>2.796.377.117.289</u>	<u>1.847.432.668.550</u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình (“Nhà máy”) khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình như sau:

Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31 tháng 3 và ngày 30 tháng 9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ mỗi kỳ là 83.783,01 USD; và 167.566,02 USD/kỳ trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 255.944.024.928 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh 10).

- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Raiffeisenlandesbank Oberosterreich Aktiengesellschaft (Cộng hòa Áo) với giá trị tối đa là 29.106.760,8 USD. Khoản vay này được trả nhiều lần bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2025. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 2,97% và được trả 6 tháng/lần. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH (Cộng hòa Áo). Khoản vay được bảo đảm bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**16 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**

**(b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

(iii) Tại ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định với hạn mức tín dụng là 850 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 8 tháng 10 năm 2018 đến ngày 8 tháng 10 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và nếu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tối đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

Tại ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay hợp vốn dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum với hạn mức tín dụng lần lượt là 300 tỷ VND và 400 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 13 tháng 7 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, thanh toán lãi vay trong thời gian xây dựng cơ bản và nếu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tối đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

Tại ngày 16 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay hợp vốn dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Định và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hiệp Phú với hạn mức tín dụng lần lượt là 850 tỷ VND và 500 tỷ VND trong thời hạn 144 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 22 tháng 9 năm 2018 đến ngày 22 tháng 9 năm 2027. Khoản vay chịu lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%/năm. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và nếu được Bên Cho Vay chấp thuận, bao gồm cả thanh toán hoàn lại tối đa 70% phần vốn tự có mà Bên Vay đã giải ngân thực hiện Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

Các khoản vay dài hạn này được các ngân hàng cho vay ký kết một thỏa thuận chung dưới dạng một hợp đồng vay hợp vốn cho dự án Thượng Kon Tum, trong đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định giữ vai trò ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản bảo đảm. Công ty thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các động sản khác là tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để đảm bảo cho khoản tiền vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**17 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI**

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.614.401.679	2.614.401.679
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-
Số dư cuối năm	<u>2.614.401.679</u>	<u>2.614.401.679</u>

Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	<u>2.614.401.679</u>	<u>2.614.401.679</u>

(\*) Đây chủ yếu là khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ khoản dự phòng cho thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được ghi nhận từ năm 2007.

**18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>206.241.246</u>	<u>206.241.246</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	<u>206.241.246</u>	<u>206.241.246</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>206.241.246</u>	<u>206.241.246</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31.12.2016		31.12.2015	
	Cổ phần phổ thông VND	%	Cổ phần phổ thông VND	%
Tổng Công ty Phát điện 3	630.169.480.000	30,55	630.169.054.175	30,55
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	-	494.978.961.600	24,00
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh REE	427.161.600.000	20,71	-	-
Cổ đông khác	1.005.081.380.000	48,74	937.264.444.225	45,45
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.062.412.460.000	100	2.062.412.460.000	100

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phần	Cổ phần thường (10.000VND)	Tổng cộng (10.000VND)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	206.241.246	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	206.241.246	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	2.062.412.460.000	6.332.468.038	48.380.000.000	-	853.533.544.946	2.970.658.472.984
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	251.621.662.679	251.621.662.679
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(412.482.492.000)	(412.482.492.000)
Trích lập quỹ đầu tư, phát triển	-	-	246.034.000.000	-	(246.034.000.000)	-
Trích lập quỹ khác (*)	-	-	-	27.661.280.000	(27.661.280.000)	-
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(5.532.364.000)	(5.532.364.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.471.202.000)	(10.471.202.000)
Khác	-	-	-	-	(2.656.000.000)	(2.656.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	400.317.869.625	2.791.138.077.663
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	258.122.047.181	258.122.047.181
Chia cổ tức trong năm (**)	-	-	-	-	(206.241.246.000)	(206.241.246.000)
Tiền thù lao, tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.025.600.000)	(1.025.600.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.957.560.000)	(6.957.560.000)
Khác	-	-	-	-	(2.350.000.000)	(2.350.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.062.412.460.000	6.332.468.038	294.414.000.000	27.661.280.000	441.865.510.806	2.832.685.718.844

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(\*) Theo Nghị quyết số 467.1/2015/TNQ-VSH-HDQT ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 467/2015/TNQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt mức trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 27.661.280.000 VND.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 666/2016/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2016 phê duyệt chi trả cổ tức năm 2015 là 10% trên vốn góp của chủ sở hữu.

**20 CÒ TỨC**

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả trong năm	206.241.246.000	412.482.492.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(206.239.811.500)	(412.482.492.000)
Số dư cuối năm	<u>1.434.500</u>	<u>-</u>

**21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

	2016	2015
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	258.122.047.181	251.621.662.679
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.737.560.000)	(6.030.950.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	<u>251.384.487.181</u>	<u>245.590.712.679</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	206.241.246	206.241.246
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.219</u>	<u>1.191</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán điện	447.638.315.189	465.759.782.196
Doanh thu dịch vụ khác	535.852.727	1.663.966.817
	<u>448.174.167.916</u>	<u>467.423.749.013</u>

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2016 VND	2015 VND
Giá vốn sản xuất điện	181.089.331.371	163.557.233.286
Giá vốn hoạt động khác	346.567.944	1.415.122.404
	<u>181.435.899.315</u>	<u>164.972.355.690</u>

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	52.940.918.495	29.078.267.659
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.529.679	-
	<u>52.946.448.174</u>	<u>29.078.267.659</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

Mẫu số B 09 – DN/HN

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền vay	5.197.289.216	8.784.863.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.735.018	-
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	14.468.887.036	12.336.979.776
	<u>19.678.911.270</u>	<u>21.121.842.777</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	12.828.301.582	11.828.758.043
Chi phí vật liệu quản lý	741.483.932	607.290.818
Khấu hao tài sản cố định	770.176.176	662.124.176
Thuế, phí và lệ phí	372.058.643	372.078.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.404.317.809	2.289.281.035
Chi phí bằng tiền khác	2.884.382.155	2.315.897.063
Khác	1.765.418.334	2.982.086.772
	<u>21.766.138.631</u>	<u>21.057.516.255</u>

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.310.769.867	2.489.574.539
Chi phí nhân công	31.894.552.501	27.656.311.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.951.676.281	78.249.477.260
Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường	63.149.999.654	55.930.352.558
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.533.893.549	3.527.979.822
Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	3.666.124.143	4.046.872.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.469.628.395	5.197.271.660
Chi phí khác bằng tiền	11.225.393.556	8.932.031.823
	<u>203.202.037.946</u>	<u>186.029.871.945</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HIỆN HÀNH

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ thuế TNDN ở mức thuế suất 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm và ở mức thuế suất phổ thông đối với các loại thu nhập chịu thuế khác kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động sản xuất điện, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 8 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu Công ty đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế và được miễn thuế đến năm 2008. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện.

Số thuế tính trên lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng như sau:

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	282.502.328.375	284.468.270.378
Thuế tính ở thuế suất 10%	(28.250.232.838)	(28.446.827.038)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	145.386.023	98.304.674
Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế	(1.629.843.830)	(2.303.293.753)
Ưu đãi thuế của các nhà máy thủy điện	12.249.949.645	13.919.527.840
Chênh lệch thuế suất giữa các hoạt động chính và các hoạt động khác của Công ty	(5.234.791.353)	(3.365.690.251)
Dự phòng thiếu của năm trước	-	(11.315.389.768)
Chi phí thuế TNDN	<u>(22.719.532.353)</u>	<u>(31.413.368.296)</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN – hiện hành	(22.719.532.353)	(31.413.368.296)
Thuế TNDN – hoãn lại	-	-
	<u>(22.719.532.353)</u>	<u>(31.413.368.296)</u>

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:*

Hoạt động sản xuất và kinh doanh điện là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:*

Hoạt động của Nhóm Công ty được thực hiện tại Việt Nam. Do vậy Nhóm Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác hoặc giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

30 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	2016 VND	2015 VND
Giảm vốn đầu tư vào công ty con	4.000.000.000	-

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2016 VND	2015 VND
Vay theo kế ước thông thường	1.477.977.281.557	2.389.304.912.295

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2016 VND	2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	474.860.788.005	774.147.620.247

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VND	2015 VND
<i>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	447.638.315.189	465.759.782.193
<i>ii) Cổ tức</i>		
<b>Số cổ tức trả trong năm</b>		
Tổng Công ty Phát điện 3	63.016.948.000	126.033.896.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	49.497.930.000	98.995.860.000
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	1.453.860.226	969.240.151
<i>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.963.129.833	2.706.409.649
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty mua bán điện- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	130.728.146.998	113.154.195.908



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**32 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xây dựng cơ bản của dự án Thượng Kon Tum	3.637.571.236.310	1.558.274.106.616

**33 NỢ TIỀM TÀNG**

Ngày 4 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 526/VIAC của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC") về vụ kiện số 24/14 liên quan tới Hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH Thiết kế và Thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 dự án Thượng Kon Tum ("Hợp đồng"). Trong thông báo này, Tổ hợp nhà thầu Trung Quốc gồm (i) Tổng Công ty Công trình Hydrochina Huadong và (ii) Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc là nguyên đơn yêu cầu Công ty bồi thường về việc vi phạm Hợp đồng. Đồng thời, Công ty cũng đã đưa ra phản tố và yêu cầu bồi thường ngược lại. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản nợ liên quan đến vụ kiện này trên báo cáo tài chính hợp nhất do kết quả sau cùng của vụ kiện chưa được xác định.

**34 SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã phát hiện khối lượng phát sinh của chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc dự án Thượng Kon Tum của nhà thầu Andritz chưa được ghi nhận đầy đủ trong các năm trước với giá trị là 23.624.157.572 đồng. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố khối lượng phát sinh của chi phí xây dựng cơ bản này vào báo cáo tài chính riêng của các năm tài chính trước. Chi tiết các ảnh hưởng đến số liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Mã số	Khoản mục	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh lại VND	Số liệu trình bày lại VND
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	441.330.473.9	(23.624.157.572)	417.706.316.401
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	313.111.745.835	(23.624.157.572)	289.487.588.263
240	Tài sản dở dang dài hạn	2.182.041.364.552	23.624.157.572	2.205.665.522.124
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.182.041.364.552	23.624.157.572	2.205.665.522.124

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 09 – DN/HN


Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2017.



Phan Thị Thanh Thúy  
Người lập



Huỳnh Công Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh  
Tổng Giám đốc